

Số: 05/CV-VTS/2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 01 năm 2026

**BÁO CÁO DANH MỤC CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN
GIAO DỊCH KÝ QUỸ THÁNG 12/2025**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty cổ phần chứng khoán Việt Thành xin báo cáo Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ tháng 12/2025 như sau:

1. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK Hà Nội

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	ADC	BSC		ADC
2	BSC	DHP		BVS
3	BVS			CAP
4	CAP			CPC
5	CPC			CTB
6	CTB			D11
7	D11			DAD
8	DAD			DAE
9	DAE			DHT
10	DHP			DNC
11	DHT			DNP
12	DNC			DTD
13	DNP			DXP
14	DTD			GMX
15	DXP			HAD
16	GMX			HCC
17	HAD			HJS
18	HCC			HLC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
19	HJS			HTC
20	HLC			HUT
21	HTC			IDV
22	HUT			INC
23	IDV			INN
24	INC			KST
25	INN			LHC
26	KST			LIG
27	LHC			MBS
28	LIG			MCC
29	MBS			MCF
30	MCC			MDC
31	MCF			NAG
32	MDC			NET
33	NAG			NFC
34	NET			NTP
35	NFC			PBP
36	NTP			PCE
37	PBP			PMC
38	PCE			PMS
39	PMC			PPP
40	PMS			PSC
41	PPP			PSD
42	PSC			PSE
43	PSD			PSW
44	PSE			PTS
45	PSW			PVC
46	PTS			PVI

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
47	PVC			PVS
48	PVI			RCL
49	PVS			S55
50	RCL			S99
51	S55			SAF
52	S99			SD5
53	SAF			SD9
54	SD5			SDC
55	SD9			SDN
56	SDC			SGC
57	SDN			SHN
58	SGC			SJ1
59	SHN			SLS
60	SJ1			SMN
61	SLS			STC
62	SMN			TA9
63	STC			THD
64	TA9			THS
65	THD			TNG
66	THS			TTC
67	TNG			TV4
68	TTC			TVD
69	TV4			VBC
70	TVD			VC3
71	VBC			VC6
72	VC3			VC7
73	VC6			VCC
74	VC7			VCS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
75	VCC			VGS
76	VCS			VNC
77	VGS			VNR
78	VNC			WCS
79	VNR			
80	WCS			

2. Danh mục chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ trên Sở GDCK TPHCM

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
1	AAA	BBC		AAA
2	ACB	TIX		ACB
3	ACC			ACC
4	ACL			ACL
5	AGG			AGG
6	ANV			ANV
7	ASM			ASM
8	BAF			BAF
9	BBC			BFC
10	BFC			BIC
11	BIC			BID
12	BID			BMC
13	BMC			BMI
14	BMI			BMP
15	BMP			BRC
16	BRC			BSI
17	BSI			BSR
18	BSR			BTP
19	BTP			BTT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
20	BTT			BVH
21	BVH			BWE
22	BWE			CCI
23	CCI			CCL
24	CCL			CDC
25	CDC			CII
26	CII			CLC
27	CLC			CLW
28	CLW			CMG
29	CMG			CMV
30	CMV			CNG
31	CNG			COM
32	COM			CRC
33	CRC			CSM
34	CSM			CSV
35	CSV			CTD
36	CTD			CTF
37	CTF			CTG
38	CTG			CTS
39	CTS			CVT
40	CVT			DBC
41	DBC			DBD
42	DBD			DBT
43	DBT			DCL
44	DCL			DCM
45	DCM			DGC
46	DGC			DGW
47	DGW			DHA
48	DHA			DHC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
49	DHC			DHG
50	DHG			DIG
51	DIG			DPG
52	DPG			DPM
53	DPM			DPR
54	DPR			DRC
55	DRC			DSN
56	DSN			DTT
57	DTT			DVP
58	DVP			DXG
59	DXG			EIB
60	EIB			ELC
61	ELC			EVF
62	EVF			FMC
63	FMC			FPT
64	FPT			FTS
65	FTS			GAS
66	GAS			GDT
67	GDT			GEG
68	GEG			GEX
69	GEX			GMD
70	GMD			GSP
71	GSP			GTA
72	GTA			GVR
73	GVR			HAH
74	HAH			HAX
75	HAX			HCM
76	HCM			HDB
77	HDB			HDC

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
78	HDC			HDG
79	HDG			HHS
80	HHS			HHV
81	HHV			HPG
82	HPG			HSG
83	HSG			HQC
84	HQC			HRC
85	HRC			HSL
86	HSL			HTI
87	HTI			HTL
88	HTL			HTN
89	HTN			HTV
90	HTV			HUB
91	HUB			HVH
92	HVH			IDI
93	IDI			IJC
94	IJC			ILB
95	ILB			IMP
96	IMP			ITC
97	ITC			KBC
98	KBC			KDC
99	KDC			KDH
100	KDH			KSB
101	KSB			L10
102	L10			LBM
103	LBM			LCG
104	LCG			LGC
105	LGC			LIX
106	LIX			LSS

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
107	LSS			MBB
108	MBB			MSN
109	MSN			MWG
110	MWG			NAF
111	NAF			NBB
112	NBB			NCT
113	NCT			NHA
114	NHA			NHH
115	NHH			NLG
116	NLG			NNC
117	NNC			NSC
118	NSC			NTL
119	NTL			OPC
120	OPC			PAC
121	PAC			PAN
122	PAN			PC1
123	PC1			PDN
124	PDN			PDR
125	PDR			PET
126	PET			PGC
127	PGC			PGD
128	PGD			PGI
129	PGI			PHR
130	PHR			PJT
131	PJT			PLX
132	PLX			PNJ
133	PNJ			POW
134	POW			PVD
135	PVD			PVT

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
136	PVT			REE
137	REE			SAB
138	SAB			SAM
139	SAM			SBA
140	SBA			SBT
141	SBT			SCR
142	SCR			SFG
143	SFG			SFI
144	SFI			SGN
145	SGN			SHA
146	SHA			SHB
147	SHB			SHI
148	SHI			SHP
149	SHP			SJS
150	SJS			SMB
151	SMB			SRC
152	SRC			SSC
153	SSC			SSI
154	SSI			ST8
155	ST8			STB
156	STB			SVC
157	SVC			SVI
158	SVI			SVT
159	SVT			SZC
160	SZC			SZL
161	SZL			TBC
162	TBC			TCB
163	TCB			TCH
164	TCH			TCL

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
165	TCL			TCM
166	TCM			TCO
167	TCO			TCT
168	TCT			TDM
169	TDM			THG
170	THG			TIP
171	TIP			TLG
172	TIX			TMP
173	TLG			TMS
174	TMP			TN1
175	TMS			TNC
176	TN1			TPB
177	TNC			TRA
178	TPB			TRC
179	TRA			TV2
180	TRC			TVS
181	TV2			TVT
182	TVS			UIC
183	TVT			VIB
184	UIC			VCB
185	VIB			VCF
186	VCB			VCG
187	VCF			VCI
188	VCG			VDP
189	VCI			VGC
190	VDP			VHC
191	VGC			VHM
192	VHC			VIX
193	VHM			VND

STT	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ đầu kỳ	Mã chứng khoán bỏ ra khỏi danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán bổ sung vào danh mục giao dịch ký quỹ trong kỳ	Mã chứng khoán thực hiện giao dịch ký quỹ cuối kỳ
194	VIX			VNM
195	VND			VPB
196	VNM			VPD
197	VPB			VPG
198	VPD			VPI
199	VPG			VRC
200	VPI			VRE
201	VRC			VSC
202	VRE			VSI
203	VSC			YBM
204	VSI			YEG
205	YBM			
206	YEG			

Đường link đăng tải thông tin nói trên tại website của công ty: <http://vts.com.vn>.

Chúng tôi cam kết và chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của báo cáo này.

Kính báo cáo Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.

Người lập
(ký, ghi rõ họ tên)



LÊ HOÀNG QUÂN

Kiểm soát
(ký, ghi rõ họ tên)



NGUYỄN VĂN TRUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC
(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)




NGUYỄN THỊ CẨM VIÊN